

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 9 - 2021

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Anh Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Liêu Bích Nga

Bà Vũ Thị Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Bé T, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp Phước Thuận A, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Liu, Hsin-K, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 68, Khóm 003, thôn T, làng Đ, huyện V, Đài Loan (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2021, nguyên đơn chị Phan Thị Bé T trình bày: Chị và anh Liu, Hsin-K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu ngày 17/02/2020 và được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn chị và anh K chỉ chung sống với nhau trong thời gian khoảng 15 ngày thì anh Liu, Hsin-K về Đài Loan, không quan tâm đến chị, anh Liu, Hsin-K cắt liên lạc với chị, đến khoảng tháng 9/2020 anh Liu, Hsin-K chủ động gọi cho chị yêu cầu chị đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục phỏng vấn và làm hồ sơ bảo lãnh chị sang Đài Loan, nhưng chị không đồng ý đi phỏng vấn do trong khoảng thời gian anh Liu, Hsin-K về Đài

Loan thì anh không quan tâm đến chị nên chị không muốn sang Đài Loan để chung sống với anh Liu, Hsin-K, cũng từ tháng 9/2020 đến nay chị và anh Liu, Hsin-K không còn liên lạc liên lạc với nhau, mỗi người ở một nơi nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Liu, Hsin-K.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung vợ: Chị Phan Thị Bé T xác định, vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Liu, Hsin-K: Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Ngày 06/5/2021, Bộ Tư pháp có Văn bản số 1079/BTP-PLQT về kết quả ủy thác đối với anh Liu, Hsin-K: *“Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 06/4/2021 bằng phương thức: Tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự”*. Tuy nhiên, Tòa án không không nhận được văn bản trả lời của anh Liu, Hsin-K về những vấn đề có liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa anh Liu, Hsin-K với chị Phan Thị Bé T và anh Liu, Hsin-K cũng không về Việt Nam tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Chị Phan Thị Bé T và anh Liu, Hsin-K kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/02/2020, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo pháp luật Việt Nam. Sau khi kết hôn anh chị có chung sống với nhau trong thời gian ngắn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị T không đồng ý làm thủ tục báo lãnh sang Đài Loan, từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau, hiện nay mỗi người ở một nơi nên tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị Bé T, xử cho chị Phan Thị Bé T được ly hôn với anh Liu, Hsin-K. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bị đơn anh Liu, Hsin-K là người nước ngoài, có quốc tịch Đài Loan và đang cư trú tại địa chỉ: Số 68, Khóm 003, thôn T, làng Đ, huyện V, Đài Loan, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hòa giải, triệu tập xét xử đối với anh Liu, Hsin-K theo quy định của pháp luật, nhưng không nhận được ý kiến phản hồi của anh Liu, Hsin-K và anh Liu, Hsin-K cũng không về Việt Nam tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, nên căn cứ khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Liu, Hsin-K.

[2.3] Đối với nguyên đơn chị Phan Thị Bé T, ngày 25/6/2021 chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của chị T là phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt đối với chị Phan Thị Bé T theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Bé T và anh Liu, Hsin-K, Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh Liu, Hsin-K kết hôn trên tinh thần tự nguyện, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 17/02/2020. Do đó, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ.

[3.2] Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của chị Phan Thị Bé T, có cơ sở xác định, sau khi kết hôn chị T và anh Liu, Hsin-K chỉ chung sống với nhau trong một thời gian ngắn thì anh Liu, Hsin-K về Đài Loan thì anh chị không còn liên lạc với nhau, cả hai đã không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đến nay anh Liu, Hsin-K không sang Việt Nam. Nay chị T xác định hôn nhân của anh và anh Liu, Hsin-K không thể hàn gắn để chung sống với nhau được nữa và yêu cầu ly hôn. Đối với anh Liu, Hsin-K được tổng đạt văn bản tố tụng theo phương thức ủy thác tư pháp, Tòa án không nhận được văn bản nêu ý kiến của anh Liu, Hsin-K đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3.3] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc*

*trong gia đình*”, theo đó thì giữa chị Phan Thị Bé T và anh Liu, Hsin-K đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện nay chị T và anh Liu, Hsin-K không còn liên lạc với nhau, làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được do mỗi người ở một nơi và không thể đoàn tụ. Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị Bé T, cho chị Phan Thị Bé T được ly hôn với anh Liu, Hsin-K.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Theo chị Phan Thị Bé T xác định chị và anh Liu, Hsin-K không có con chung, tài sản chung và nợ chung, khi ly hôn chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí và lệ phí ủy thác tư pháp: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp, chị Phan Thị Bé T phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; Điều 280; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 474; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Bé T với anh Liu, Hsin-K.

Xử cho chị Phan Thị Bé T, sinh năm 1990 được ly hôn với anh Liu, Hsin-K, sinh năm 1962.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Bé T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Phan Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chị Phan Thị Bé T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số 0014957

ngày 23/11/2020, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Phan Thị Bé T phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), chị Phan Thị Bé T đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0014882 ngày 14/12/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu đã chuyển thu lệ phí không được hoàn lại.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Phan Thị Bé T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; anh Liu, Hsin-K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND huyện L;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bùi Anh Tuấn**